

Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ

Ba Bể, ngày 11 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1985;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, **81, 82 và Điều 83** Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và **khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **03 tháng 01 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn G thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn G có 01 (một) con chung tên là **Nguyễn Trường G1, sinh ngày 26/7/2006**, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng anh G. **Khi ly hôn hai**

bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trường G1 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn G không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên không nợ ai và không cho ai nợ.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn G phải chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nh đã nộp theo biên lai số: 03645, ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị Nh được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- UBND xã Kh (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu Vp.

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng